

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG BÚK  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/DS-ST  
Ngày: 31 – 3 – 2020  
*V/v tranh chấp hợp đồng mua bán*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Việt Tuấn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Tuyên, ông Trương Quang Chinh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Đức Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 148/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị D – Sinh năm: 1970 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 97 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**- Bị đơn:** Ông Huỳnh Văn T (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bà Đoàn Thị V (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện ngày 04/12/2019, tại bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:***

Ngày 26/6/2012, tôi có bán phân bón cho vợ chồng ông Huỳnh Văn T, bà Đoàn Thị V số tiền 15.120.000đồng (*Mười lăm triệu một trăm hai mươi nghìn đồng*), hẹn ngày 30/11/2012 sẽ trả, lãi suất là 2%/tháng. Bao gồm các loại phân bón sau: Phân NPK VD<sup>2</sup> (NPK Vân Điển) số tiền 13.650.000đồng, bột cá vi sinh (phân bột cá) số tiền 850.000đồng, Ric tiêu (phân Ric cho cây tiêu) số tiền 620.000đồng.

Ngày 14/9/2012, tôi có bán phân bón cho vợ chồng ông Huỳnh Văn T, bà Đoàn Thị V số tiền 10.150.000đồng (*Mười triệu một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*), hẹn ngày 30/11/2012 sẽ trả, lãi suất là 1,7%/tháng.

Tổng cộng số tiền mà vợ chồng ông T, bà V nợ mua phân của tôi là 25.270.000đồng (*Hai mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Tôi đã nhiều lần đến đòi tiền nợ mua phân của ông T, bà V nhưng năm nào ông T, bà V cũng khát nợ. Sau đó, tôi và ông V, bà T có thỏa thuận cho thời gian để ông V, bà T trả nợ là cho đến hết tháng 12/2018 sẽ trả gốc và lãi. Nhưng ông T, bà V vẫn không trả nợ đúng thỏa thuận.

Nay, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Văn T, bà Đoàn Thị V phải trả cho tôi số tiền nợ gốc 25.270.000đồng và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày chậm trả ngày 01/12/2012 cho đến khi trả xong nợ.

**\* Tại bản biên bản lấy lời khai ngày 21/01/2020, bị đơn ông Huỳnh Văn T trình bày:**

Ngày 26/6/2012, vợ chồng tôi có mua phân bón của bà Nguyễn Thị D số tiền 15.120.000đồng (*Mười lăm triệu một trăm hai mươi nghìn đồng*), hẹn ngày 30/11/2012 sẽ trả.

Ngày 14/9/2012, vợ chồng tôi có mua phân bón của bà Nguyễn Thị D số tiền 10.150.000đồng (*Mười triệu một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*), hẹn ngày 30/11/2012 sẽ trả.

Tổng cộng số tiền vợ chồng tôi nợ mua phân của bà D là 25.270.000đồng (*Hai mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Khi mua bán thì hai bên không thỏa thuận lãi. Nay bà D yêu cầu trả nợ gốc và lãi thì vợ chồng tôi đồng ý trả nợ gốc, không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của bà D. Về việc lãi đề nghị Tòa án tính lãi theo quy định pháp luật. Hiện tại do điều kiện hoàn cảnh khó khăn nên chưa thể trả được nợ cho bà D.

**\* Tại bản biên bản lấy lời khai ngày 06/01/2020, bị đơn bà Đoàn Thị V trình bày:**

Ngày 26/6/2012, vợ chồng bà V có mua phân bón của bà Nguyễn Thị D số tiền 15.120.000đồng (*Mười lăm triệu một trăm hai mươi nghìn đồng*).

Ngày 14/9/2012, vợ chồng bà V có mua phân bón của bà D số tiền 10.150.000đồng (*Mười triệu một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*). Tổng cộng tiền gốc là 25.270.000đồng (*Hai mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng*), còn tiền lãi thì chưa thống nhất với bà D do lúc mua không nói tính lãi.

Nay, bà D yêu cầu trả nợ gốc và lãi như trên thì vợ chồng bà V đồng ý trả tiền gốc 25.270.000đồng, tiền lãi thì chưa thống nhất được theo yêu cầu của bà D. Về thời hạn trả thì do điều kiện khó khăn nên cũng chưa trả được cho bà D.

**Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:** Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng, đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp,

thu thập chứng, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Huỳnh Văn T, bà Đoàn Thị V không chấp hành nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Huỳnh Văn T, bà Đoàn Thị V phải trả cho bà Nguyễn Thị D tiền gốc 25.270.000đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày 01/12/2012 cho đến khi trả xong nợ.

Quá trình tranh tụng tại phiên tòa, nguyên đơn không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ gì, giữ nguyên ý kiến yêu cầu. Do bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên các bên không thống nhất được về các nội dung trong vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:***

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán giữa bà Nguyễn Thị D và vợ chồng ông Huỳnh Văn T, bà Đoàn Thị V có địa chỉ tại thôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Huỳnh Văn T có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt (BL-26), bị đơn bà Đoàn Thị V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hợp đồng mua bán: Căn cứ theo lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và giấy viết tay về việc mua bán phân bón đã thu thập trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để xác định vào năm 2012, giữa bà Nguyễn Thị D và ông Huỳnh Văn T, bà Đoàn Thị V có giao kết với nhau hợp đồng mua bán phân bón, cụ thể: Ngày 26/6/2012, vợ chồng ông T, bà V có mua phân bón của bà Nguyễn Thị D tổng số tiền 15.120.000đồng (*Mười lăm triệu một trăm hai mươi nghìn đồng*); ngày 14/9/2012, vợ chồng ông T, bà V có mua phân bón của bà D số tiền 10.150.000đồng (*Mười triệu một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*). Tổng cộng tiền gốc là 25.270.000đồng (*Hai mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng*),

[3.2] Về số nợ gốc: Lời khai của nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận việc mua bán phân bón giữa các bên và bị đơn ông Huỳnh Văn T, bà Đoàn Thị V còn nợ bà Nguyễn Thị D số nợ gốc là 25.270.000đồng (*Hai mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng*) thời hạn hẹn trả là 30/11/2012 và đã quá hạn trả nợ nhưng không trả

được. Bà D cũng đã đồng ý cho ông T, bà V xin gia hạn trả nợ cho đến hết tháng 12/2018 nhưng ông T, bà V vẫn không trả được nợ theo thời hạn thỏa thuận. Việc không thực hiện việc trả nợ của bị đơn là đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền trong hợp đồng mua bán.

[3.3] Về số tiền lãi: Theo lời trình bày của nguyên đơn và giấy viết tay về việc mua bán phân bón thể hiện: Số tiền nợ mua phân bón 15.420.000đồng ngày 26/6/2012, hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng (bằng 24%/năm); số tiền nợ mua phân bón 10.150.000đồng ngày 14/9/2012, hai bên thỏa thuận lãi suất 1,7%/tháng (bằng 20,4%/năm), lãi suất được ghi rõ ràng trong giấy viết tay và còn nguyên vẹn, không có dấu hiệu bị chỉnh sửa, tẩy xóa. Theo bị đơn ông Huỳnh Văn T trình bày thì “việc mua bán không thỏa thuận lãi suất”, bị đơn bà Đoàn Thị V trình bày “chưa thống nhất về phần lãi suất với bà D”, tuy nhiên bị đơn ông Huỳnh Văn T, bà Đoàn Thị V không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh về phần trình bày lãi suất như trên. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập các bên đương sự đối chất để làm rõ, dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn bà Đoàn Thị V vắng mặt nên không tiến hành đối chất được.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, có đủ cơ sở khẳng định việc mua bán phân bón giữa bà Nguyễn Thị D và ông Huỳnh Văn T, bà Đoàn Thị V có thỏa thuận về lãi suất, cụ thể: Số tiền nợ mua phân bón 15.420.000đồng ngày 26/6/2012, hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng (bằng 24%/năm); số tiền nợ mua phân bón 10.150.000đồng ngày 14/9/2012, hai bên thỏa thuận lãi suất 1,7%/tháng (bằng 20,4%/năm). Như vậy, mức lãi suất mà các bên thỏa thuận đã vượt quá mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước công bố. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 438, khoản 2 Điều 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005 thì số tiền chậm trả của ông Huỳnh Văn T, bà Đoàn Thị V được tính theo mức lãi suất 9%/năm (bằng 0,75%/tháng) theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 01/12/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, kể từ ngày chậm trả ngày 01/12/2012, cụ thể như sau:

Thời gian tính lãi từ ngày 01/12/2012 đến ngày xét xử 31/3/2020 là 07 năm 04 tháng. Số tiền lãi là:

$25.270.000\text{đồng} \times 9\%/năm \times 07 \text{ năm} + 25.270.000\text{đồng} \times 0,75\%/tháng \times 04 \text{ tháng} = 15.920.100\text{đồng} + 758.100\text{đồng} = 16.678.200\text{đồng}$  (Mười sáu triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn đồng)

[3.4] Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Huỳnh Văn T, bà Đoàn Thị V phải nợ gốc 25.270.000đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật kể từ ngày 01/12/2020, số tiền lãi tạm tính là 16.678.200đồng (tạm tính đến ngày xét xử ngày 31/3/2020), Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ, cần chấp nhận.

**Về án phí:** Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 281, Điều 290, khoản 2 Điều 305, Điều 428, Điều 438 của Bộ luật dân sự năm 2005;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D.

- Buộc bị đơn ông Huỳnh Văn T, bà Đoàn Thị V phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền 41.948.200đồng, trong đó nợ gốc 25.270,000đồng (*Hai mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng*) và nợ lãi 16.678.200đồng (*Mười sáu triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm đồng*), lãi suất tạm tính đến ngày 31/3/2020.

Kể từ ngày 01/4/2020, ông Huỳnh Văn T, bà Đoàn Thị V còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh trên số tiền nợ gốc cho đến khi trả xong nợ gốc với mức lãi suất 9%/năm (theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 01/12/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

**Về án phí:** Ông Huỳnh Văn T, bà Đoàn Thị V phải liên đới chịu 2.097.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí và được nhận lại 631.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014400 ngày 04/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện K;
- CCTHADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Việt Tuấn**